

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

TR
KIỂM

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

Địa chỉ: Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Đông Triều Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH một thành viên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700102341 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 11 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, còn lại chưa được phân vào đâu
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, Chi tiết:
 - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật.
 - Thiết kế công trình thủy lợi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm nay là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Vốn điều lệ của công ty theo Đăng ký kinh doanh mới nhất là 301.727.521.302 đồng (Bằng chữ: ba trăm lẻ một tỷ bảy trăm hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi một nghìn ba trăm lẻ hai đồng).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lãi/lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 7.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng thành viên



Chủ tịch

Dặng Văn Tuyên

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

Địa chỉ: Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc

Ông: Vũ Minh Thành	Giám đốc
Ông: Vũ Văn Tòng	Phó Giám đốc
Ông: Nguyễn Hải Hà	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty các năm sau.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

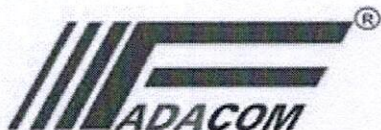
Thay mặt Công ty



Ông Đặng Văn Tuyên

Chủ tịch

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2023



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH GIÁ

Trụ sở: Phòng 802, CT2B Lê Đức Thọ,

Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 3787 2182 * Fax: (84-4) 3787 2183

Email: audit@fadacom.vn

Website: www.fadacom.vn

Số: 04B...../2023/BCTC/FADACOM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh
Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM), đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh (sau đây gọi là “Công ty”), từ trang 5 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể chứng kiến kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm và các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số dư tiền mặt, số lượng hàng tồn, tài sản cố định tại thời điểm đó. Do đó chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể xác nhận hoặc kiểm tra bằng các phương pháp thay thế khác đối với các khoản phải thu, phải trả được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022. Do đó chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản phải thu, phải trả đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á



HOÀNG MẠNH KƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2025-2023-226-1

PHẠM ANH TUẤN

Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4088-2022-226-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 02 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	100		7.294.909.040	8.578.401.827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.430.556.616	3.288.152.325
1. Tiền	111	1	2.430.556.616	3.288.152.325
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	4.805.448.388	4.809.466.592
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		4.805.087.812	4.808.176.959
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		360.576	1.289.633
IV. Hàng tồn kho	140		58.904.036	78.010.546
1. Hàng tồn kho	141	3	58.904.036	78.010.546
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	402.772.364
B. Tài sản dài hạn	200		407.023.179.781	404.921.649.357
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		377.880.847.781	375.921.649.357
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4	377.880.847.781	375.921.649.357
- Nguyên giá	222		409.961.361.038	406.063.471.038
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.080.513.257)	(30.141.821.681)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.142.332.000	29.000.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5	29.142.332.000	29.000.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.318.088.821	413.500.051.184

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
1	2	3	4	5
C. Nợ phải trả	300		3.425.566.403	7.341.567.766
I. Nợ ngắn hạn	310		3.425.566.403	7.341.567.766
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6	876.690.058	3.045.456.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	7	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	104.851.842	172.512.497
4. Phải trả người lao động	314		2.381.668.503	3.565.746.926
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		62.356.000	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	9	-	557.852.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. Vốn chủ sở hữu	400		410.892.522.418	406.158.483.418
I. Vốn chủ sở hữu	410	10	410.892.522.418	406.158.483.418
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		380.142.522.418	377.158.483.418
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		30.750.000.000	29.000.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.318.088.821	413.500.051.184

NGUYỄN VĂN KIÊN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN KIÊN
Kế toán trưởng

ĐẶNG VĂN TUYẾN
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	18.790.208.477	19.610.386.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1	18.790.208.477	19.610.386.895
4. Giá vốn hàng bán	11	2	14.343.270.867	14.078.226.249
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.446.937.610	5.532.160.646
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	6.461.200	802.600
7. Chi phí tài chính	22	4	36.487.228	260.317.843
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.487.228	260.317.843
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	4.342.555.350	5.121.307.904
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.356.232	151.337.499
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74.356.232	151.337.499
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6	14.871.246	31.286.438
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.484.986	120.051.061

NGUYỄN VĂN KIÊN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN KIÊN
Kế toán trưởng

DẶNG VĂN TUYÊN
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

B03-DN

Địa chỉ: Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		27.831.073.869	39.916.851.585
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.182.973.501)	(20.185.221.877)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.120.929.493)	(8.185.455.135)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(36.487.228)	(263.424.692)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(30.000.000)	(50.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		283.429.822	681.057.507
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.618.938.070)	(4.024.644.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.175.399	7.889.162.941
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(231.778.000)	(2.653.036.636)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(231.778.000)	(2.653.036.636)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.000.000.000	7.221.536.041
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.750.993.108)	(9.563.616.854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(750.993.108)	(2.342.080.813)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(857.595.709)	2.894.045.492
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.288.152.325	394.106.833
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.430.556.616	3.288.152.325

NGUYỄN VĂN KIÊN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN KIÊN
Kế toán trưởng

ĐANG VĂN TUYÊN
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Đông Triều Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH một thành viên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700102341 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 11 năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, còn lại chưa được phân vào đầu
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, Chi tiết:
 - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật.
 - Thiết kế công trình thủy lợi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm nay là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Vốn điều lệ của công ty theo Đăng ký kinh doanh mới nhất là 301.727.521.302 đồng (Bằng chữ: ba trăm lẻ một tỷ bảy trăm hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi một nghìn ba trăm lẻ hai đồng).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và sửa đổi theo thông tư 53/2019/TT-BTC ngày 21/3/2019 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa - giá vốn thực tế theo phương pháp đích danh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) dựa trên bằng chứng thích hợp về sự giảm giá trị vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự kiến thu được do việc sử dụng tài sản cố định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn cho phép ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản làm tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Ngoài ra, một số tài sản của Công ty Nằm trong danh mục tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh không phải trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 19/VBHN/BTC ngày 20/07/2017; Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016 ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính là:

- Tài sản được xây đắp bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Máy bơm nước từ 8.000 m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không thực hiện trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt.

Chi phí trả trước

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh với thời gian tối đa không quá 3 năm. Bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dụng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn;

Chi phí phải trả và trích trước

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản dở dang được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số tiền dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

V.1 TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	797.657.851	701.086.646
Tiền gửi ngân hàng	1.632.898.765	2.587.065.679
Cộng	<u>2.430.556.616</u>	<u>3.288.152.325</u>

V.2 PHẢI THU NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	4.805.448.388	4.809.466.592
- Ngân sách nhà nước cấp	4.608.293.700	3.890.602.734
- Các đối tượng khác	196.794.112	917.574.225
- Các khoản khác	360.576	1.289.633
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-
Cộng	<u>4.805.448.388</u>	<u>4.809.466.592</u>

V.3 HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	58.904.036	78.010.546
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>58.904.036</u>	<u>78.010.546</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>58.904.036</u>	<u>78.010.546</u>

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐỒNG TRIỀU

Địa chỉ: Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V.4 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

TT	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PT vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I Nguyên giá						
1	Tại ngày 01/01/2022	384.547.520.632	19.730.356.906	1.476.169.500	309.424.000	406.063.471.038
2	Tăng trong năm	3.897.890.000	-	-	-	3.897.890.000
	<i>Mua sắm</i>	-	-	-	-	-
	<i>Đầu tư XD CB hoàn thành</i>	2.984.039.000	-	-	-	2.984.039.000
	<i>Tăng khác</i>	913.851.000	-	-	-	913.851.000
3	Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4	Tại ngày 31/12/2022	388.445.410.632	19.730.356.906	1.476.169.500	309.424.000	409.961.361.038
<i>Trong đó:</i>						
II Hao mòn lũy kế						
1	Tại ngày 01/01/2022	23.095.552.326	5.715.522.526	1.063.822.831	266.923.998	30.141.821.681
2	Tăng trong năm	614.859.344	1.277.378.900	29.453.332	17.000.000	1.938.691.576
	<i>Trích khấu hao</i>	614.859.344	1.277.378.900	29.453.332	17.000.000	1.938.691.576
	<i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-
3	Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4	Tại ngày 31/12/2022	23.710.411.670	6.992.901.426	1.093.276.163	283.923.998	32.080.513.257
III Giá trị còn lại						
1	Tại ngày 01/01/2022	361.451.968.306	14.014.834.380	412.346.669	42.500.002	375.921.649.357
2	Tại ngày 31/12/2022	364.734.998.962	12.737.455.480	382.893.337	25.500.002	377.880.847.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. 5 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	29.142.332.000	29.000.000.000
- Dự án: Dự án Nạo vét bồi lắng lòng hồ Bến Châu và hồ Yên Dưỡng	29.000.000.000	29.000.000.000
- Khắc phục hiện tượng xói lở kênh dẫn sau tràn xả lũ hồ chứa nước Đồng Đò 1	142.332.000	-
Cộng	29.142.332.000	29.000.000.000

V. 6 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
Phải trả người bán ngắn hạn	876.690.058	3.045.456.343
Viện kỹ thuật công trình	-	33.872.000
Công ty TNHH MTV xây dựng Ngọc Cường	687.632.000	2.385.357.500
Điện lực Đông Triều	23.087.093	-
Đối tượng khác		459.705.628
Phải trả nguồn dự án	165.970.965	166.521.215
Phải trả người bán dài hạn	-	-
Phải trả người bán là bên liên quan	-	-
Cộng	876.690.058	3.045.456.343



CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

Địa chỉ: Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V.7 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu 01/01/2022	Số phải nộp 01/01/2022	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu 31/12/2022	Số phải nộp 31/12/2022
Thuế	-	172.512.497	205.271.323	272.931.978	-	104.851.842
Thuế giá trị gia tăng		136.585.874	118.919.058	165.516.961	-	89.987.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	29.992.625	14.871.246	30.000.000	-	14.863.871
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2.721.110	2.721.110	-	-
Thuế tài nguyên	-	5.933.998	13.598.666	19.532.664	-	-
Các loại thuế khác	-	-	55.161.243	55.161.243	-	-
Các khoản phải nộp khác	402.772.364	-	402.772.364	-	-	-
	402.772.364	172.512.497	608.043.687	272.931.978	-	104.851.842

V.8 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Agribank - CN Đông Triều	-	-	2.193.141.108	2.750.993.108	557.852.000	557.852.000
Vay dài hạn						
Cộng	-	-	2.193.141.108	2.750.993.108	557.852.000	557.852.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2021	329.636.099.302	42.999.999.800	-	372.636.099.102
Tăng trong năm	47.522.384.116	4.800.935.500	120.051.061	52.443.370.677
- Tăng vốn trong năm	28.721.448.816	4.800.935.500	-	33.522.384.316
- Lãi trong năm			120.051.061	120.051.061
- Tăng khác	18.800.935.300	-	-	18.800.935.300
Giảm trong năm	-	18.800.935.300	120.051.061	18.920.986.361
- Giảm vốn trong năm	-	18.800.935.300	120.051.061	18.920.986.361
Tại ngày 31/12/2021	377.158.483.418	29.000.000.000	-	406.158.483.418
Tăng trong năm	2.984.039.000	4.734.039.000	59.484.986	7.777.562.986
- Tăng vốn trong năm	-	4.734.039.000	-	4.734.039.000
- Lãi trong năm	-	-	59.484.986	59.484.986
- Tăng khác	2.984.039.000	-	-	2.984.039.000
Giảm trong năm	-	2.984.039.000	59.484.986	3.043.523.986
- Giảm vốn trong năm	-	2.984.039.000	59.484.986	3.043.523.986
Tại ngày 31/12/2022	380.142.522.418	30.750.000.000	-	410.892.522.418

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2022	31/12/2021
Vốn góp của Nhà Nước	380.142.522.418	377.158.483.418
Cộng	380.142.522.418	377.158.483.418

c. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	31/12/2021
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	30.750.000.000	29.000.000.000
Cộng	30.750.000.000	29.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

VI.1 DOANH THU THUẦN VỀ HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu	18.790.208.477	19.610.386.895
- Doanh thu bán hàng	18.790.208.477	19.610.386.895
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	18.790.208.477	19.610.386.895

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.343.270.867	14.078.226.249
Cộng	14.343.270.867	14.078.226.249

VI.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.461.200	802.600
Cộng	6.461.200	802.600

VI.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền vay	36.487.228	260.317.843
Cộng	36.487.228	260.317.843

VI.5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	3.350.549.769	3.106.917.340
Chi phí vật liệu quản lý	252.759.970	216.370.130
Chi phí đồ dùng văn phòng	93.718.400	288.321.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	90.465.530	131.419.688
Thuế, phí và lệ phí	36.925.844	34.555.770
Chi phí quỹ khen thưởng	-	941.444.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.325.887	237.122.336
Chi khác bằng tiền	230.809.950	165.157.000
Cộng	4.342.555.350	5.121.307.904

VI.6 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập tính thuế.

Doanh thu từ hoạt động thủy lợi của công ty thuộc diện miễn thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán trước thuế	74.356.232	151.337.499
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận	-	5.094.691
Các khoản điều chỉnh tăng	-	5.094.691
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận (lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	74.356.232	156.432.190
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	74.356.232	156.432.190
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	14.871.246	31.286.438
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.871.246	31.286.438

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**VII.1 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

VII.2 THÔNG TIN VỀ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

VII.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Châu Á.

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

B09-DN

Địa chỉ: Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. 4 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 10 tháng 02 năm 2023.



NGUYỄN VĂN KIÊN
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 02 năm 2023

NGUYỄN VĂN KIÊN
Kế toán trưởng



DẶNG VĂN TUYÊN
Giám đốc
Dặng Văn Tuyên

THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU